

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường TH&THCS CillCus đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có báo cáo như sau:

A. Báo cáo công khai thường niên:

I. Thông tin chung:

1. Tên cơ sở giáo dục : Trường TH&THCS CillCus, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Trụ sở chính: Tôn Hang Hót,xã Mê Linh,huyện Lâm Hà

Điện thoại: 0983143126

Website:

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

Loại hình: Công lập

Cơ quan chủ quản: UBND huyện Lâm hà, tỉnh Lâm Đồng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường đã từng bước lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Những năm gần đây, được sự chỉ đạo, quan tâm đầu tư của Sở GD&ĐT tỉnh Lâm Đồng, Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà, Phòng GD&ĐT huyện Lâm Hà, Đảng ủy, UBND xã Mê Linh, sự phối hợp chặt chẽ và ủng hộ nhiệt tình của các ban ngành đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh, với quyết tâm cao thầy và trò trường TH&THCS CillCus đã vượt qua khó khăn, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Quy mô trường lớp được giữ vững, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao. Nhà trường luôn đi đúng đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện.

Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối khang trang; đầy đủ phòng học, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Tổng quan nhà trường được bố trí, quy hoạch một cách khoa học, ngoài khu phục vụ học tập, nhà trường còn chú trọng sửa sang và tu

bổ khuôn viên, tôn tạo cảnh quan Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Phòng GD&ĐT huyện Lâm Hà, thầy và trò trường TH&THCS CillCus không ngừng nỗ lực phấn đấu để xứng đáng với niềm tin của các cấp chính quyền và nhân dân trong toàn xã.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục nhà trường nói riêng, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội địa phương nói chung

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường TH&THCS CillCus được thành lập từ tháng 8 năm 1919 thực hiện quyết định của UBND huyện Lâm Hà tách từ trường THCS Mê Linh và trường TH CillCus thành lập trường TH&THCS CillCus. Năm học 2023-2024, trường có 14 lớp với 30 cán bộ, giáo viên, công nhân viên và 365 học sinh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ: Ông Nguyễn Quang Lâm

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Từ Liêm, Nam Ban, Lâm Hà Số điện thoại: 0983143126

Gmail: quanglam126@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập: Quyết định số 2614/QĐ-UBND ngày 29 tháng 07 năm 2019 về việc thành lập trường TH&THCS CillCus trên cơ sở giải thể trường Tiểu học CillCus và phân trường trường THCS Mê Linh huyện Lâm Hà.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường: Quyết định số 5980/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2021 Về việc công nhận chủ tịch hội đồng trường của các trường có cấp THCS trên địa bàn huyện Lâm Hà.

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 được thành lập theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020TT- BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo),

Hội đồng trường gồm 09 thành viên: Bí thư Chi bộ- Hiệu trưởng nhà trường; chủ tịch Công đoàn; bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; đại diện tổ chuyên môn, tổ văn phòng; đại diện chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh và đại diện học sinh.

Đồng chí Nguyễn Quang Lâm làm chủ tịch Hội đồng- Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường; Đồng chí Nguyễn Văn Dũng làm phó chủ tịch hội đồng - Chi ủy viên, Chủ tịch công đoàn nhà trường; Đồng chí Lê Minh Hiếu làm thư ký Hội đồng

c. Quyết định số 3517/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2024 về việc bổ nhiệm lại Hiệu trưởng trường TH&THCS CillCus;

Hiệu trưởng: Nguyễn Quang Lâm

+ Ngày tháng năm sinh: 14/8/1968

+ Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn là 5 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

d. Quyết định số 3014/QĐ-UBND ngày 28 tháng 08 năm 2023 của ủy ban nhân huyện Lâm Hà về việc Điều động và bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường TH&THCS CillCus.

Phó hiệu trưởng: Nguyễn Văn Dũng

+ Ngày tháng năm sinh: 05/01/1979

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị là 5 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; (Có văn bản kèm theo)

II. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

1. Số biên chế được giao năm 2024.

Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2024 của ủy ban nhân huyện Lâm Hà về việc giao số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp Giáo dục công lập năm 2024.

- Tổng số: 30 người trong đó CBQL :02.TPT :01;Giáo viên :23; Nhân viên :04.

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường TH&THCS CillCus năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	29			22	3	2		13	9			20	3	3
I	Giáo viên	24			18	3	1	2	7	1			18	3	3

[illegible]

III. Cơ sở vật chất

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường TH&THCS CillCus năm học 2024 – 2025.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	14	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	14	2 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	3	2 m ² /học sinh
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	0
7	Bình quân lớp/phòng học	1lớp /phòng học	60 m ² /phòng học
8	Bình quân học sinh/lớp	25 học sinh /lớp	2 m ² /học sinh
III	Số điểm trường	0	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	10.490m ²	7.12m ² /học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	890.336m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	18	60 m ² /phòng học
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	60 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0

5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	20 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	0	
1.1	Khối lớp 1		
1.2	Khối lớp 2		
1.3	Khối lớp 3		
1.4	Khối lớp 4		
1.5	Khối lớp 5		
1.6	Khối lớp 6	1	0
1.7	Khối lớp 7	1	0
1.8	Khối lớp 8	0	0
1.9	Khối lớp 9	0	0
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3	2 bộ	
2.4	Khối lớp 4	2 bộ	
2.5	Khối lớp 5	2 bộ	
2.6	Khối lớp 6	0	-
2.7	Khối lớp 7	1 bộ	-
2.8	Khối lớp 8	1 bộ	-
2.9	Khối lớp 9	1 bộ	-

3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		-
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50 bộ	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	14	1
2	Cát xét	0	0
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...		
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	17	1
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...		
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú		-	-
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	z	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. Kiểm định chất lượng giáo dục:

Trường TH&THCS CillCus đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường THCS CillCus đã tự đánh giá chất lượng giáo dục, để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận Chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về bộ phận khảo thí Phòng GD&ĐT; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường THCS CillCus đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

- Thành lập hội đồng tự đánh giá.
- Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
- Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm 11 thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, BGH, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 3 và đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1. Hiện tại UBND xã Hải Tân đang xây 15 phòng học và các công trình phụ trợ đáp ứng nhu cầu cơ sở vật chất trường chuẩn Quốc gia, chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn. Theo lộ trình, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, sẽ mời đoàn đánh giá ngoài về kiểm tra công nhận vào tháng 01/2025

V. Kết quả hoạt động giáo dục:

Đánh giá chung kết quả giáo dục cuối năm khối 1,2,3,4

Khối	TS	Hoàn thành XS		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
1	38	4	10,5	6	15,8	27	71,2	2	5,3
2	52	6	11,5	8	15,4	38	73,1	0	0
3	36	4	11,1	6	16,7	26	72,2	0	0
4	50	6	12	8	16	36	72	0	0
TC	176	20	9,0	28	15,8	127	72,2	2	1,1

Đánh giá chung kết quả giáo dục cuối năm khối 5

Khối	TS	Hoàn thành XS		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
5	51	5	1,96	7	13,72	39	76,47	0	0

Khởi THCS

Đối với học sinh lớp 6,7,8 thực hiện theo CTGDPT 2018

- Về phẩm chất

Tổng số học sinh		Yêu nước		Nhân ái		Chăm chỉ		Trung thực		Trách nhiệm	
		Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt
Khối 6	41	41	0	41	0	15	26	41	0	15	26
	Tỉ lệ %	100	0	100	0	36,58	63,41	100	0	36,58	63,41
Khối 7	44	44	0	44	0	20	24	44	0	20	24
	Tỉ lệ %	100	0	100	0	45,45	54,54	100	0	45,45	54,54
Khối 8	29	29	0	29	0	19	10	29	0	19	10
	Tỉ lệ %	100	0	100	0	65,51	34,48	100	0	65,51	35,48

Kết quả rèn luyện:

Khối/Lớp	Số Lượng		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Lớp 6	41		26	63,41	10	24,39	5	12,19	0	0
Lớp 7	44		25	56,81	15	11,36	4	9,09	0	0
Lớp 8	29		16	55,17	9	31,03	4	13,79	0	0
Tổng	114		67	58,77	34	29,82	15	13,15	0	0

Kết quả học tập:

Khối/Lớp	Số Lượng	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Lớp 6	41	0	0	9	21,95	32	78,04	1	2,43
Lớp 7	44	0	0	10	22,72	34	77,27	1	2,27
Lớp 8	29	0	0	8	27,58	11	37,93	0	0
Tổng	114	0	0	27	18,75	77	67,54	2	1,75

* Xếp loại hai mặt giáo dục khối lớp 9 :

Hành kiểm:

Khối/Lớp	Số Lượng	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Lớp 9	24	14	58,33	7	29,16	3	12,5	0	0	0	0

Học lực:

Khối/Lớp	Số Lượng	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Lớp 9	24	0	0	5	20,83	19	79,16	0	0	0	0

Duy trì sĩ số học sinh trên 98%, bỏ học dưới 2%

Có học sinh giỏi cấp huyện lớp 9.Xét công nhận tốt nghiệp THCS đạt 100%; hiệu quả đào tạo trên 98 %;

Tỉ lệ học sinh TN THCS đạt: 100%; 100% học sinh cuối cấp được tư vấn giáo dục hướng nghiệp.

VI. Kết quả tài chính:

1. Kết quả tài chính năm 2023

1.1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	0%	0%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	0	0

1.2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	4.739	4.492
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	4.716	4.472
II	Thu giáo dục và đào tạo		
1	Học phí, lệ phí từ người học	23	20
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác		
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	4.739	4.492
I	Chi lương, thu nhập		
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	3.983	3.780

2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác		
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ		
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	756	712
III	Chi hỗ trợ người học	262	232
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	262	232
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác		
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	0	0

2. Kết quả tài chính năm 2024

2.1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	0%	0%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	0	0

2.2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	5.054	4.739
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	5.022	4.716
II	Thu giáo dục và đào tạo		
1	Học phí, lệ phí từ người học	32	23
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác		
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	5.054	4.739
I	Chi lương, thu nhập		
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	4.274	3.983
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác		
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ		
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		

4	Chi phí chung và chi khác	780	756
III	Chi hỗ trợ người học	282	262
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	282	262
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác		
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	0	0

2.3. Kết quả tài chính quý I /2024

2.3.1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	0%	0%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	0	0

2.3.2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	5.022	
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	5.022	
II	Thu giáo dục và đào tạo		
1	Học phí, lệ phí từ người học	0	
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác		
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	957	
I	Chi lương, thu nhập		
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	947	
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác		
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ		
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	10	
III	Chi hỗ trợ người học		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	0	
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác		
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	0	0

2.4. Kết quả tài chính quý II /2024

2.4.1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	0%	0%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	0	0

2.4.2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	5.036	
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	5.022	
II	Thu giáo dục và đào tạo		
1	Học phí, lệ phí từ người học	14	
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác		
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	1.281	
I	Chi lương, thu nhập		
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	1.041	
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác		
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ		
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	240	
III	Chi hỗ trợ người học	162	
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	162	0
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác		
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	0	0

VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác:

1. Đánh giá công tác chăm lo đời sống và thực hiện chính sách xã hội cho CB,CC,VC

Trong năm học qua, việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ CC,VC,NLĐ được Nhà trường và công đoàn quan tâm, xác định là nhiệm vụ thường xuyên. Trong năm học đã thực hiện chi đúng, đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách cho CB,VC. Tổ chức nâng lương thường xuyên, PCTNN, nâng lương sớm trước thời hạn đúng đối tượng.

2. Đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ trong trường học

Việc xây dựng cũng như thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường được thực hiện đầy đủ nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đã công khai bố trí phân công chuyên môn, công khai tài chính, các kế hoạch hoạt động, công tác thi đua khen thưởng, xếp loại, đánh giá CB, VC, kê khai tài sản thu nhập cá nhân...

3. Đánh giá việc thực hiện các phong trào thi đua

Công tác thi đua khen thưởng được quan tâm chú trọng từ khâu vận động cán bộ, Công chức viên chức đăng kí thi đua cá nhân, tập thể. Xây dựng qui chế thi đua, kế hoạch thi đua. Tổ chức các phong trào thi đua thiết thực, khá hiệu quả. Cuối năm tổ chức bình xét thi đua công khai, công bằng.

Kết quả:

Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp Huyện : 01; giáo viên TPT giỏi huyện: 01

Xếp loại viên chức cuối năm có 09 viên chức XS; 38 viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ; 01 viên chức không xếp loại (Trần Đức Thủy – do nghỉ ốm dài ngày); LĐTT: 41/47 ; CSTĐ cơ sở: 6, CSTĐ cấp tỉnh: 0. Liên đội mạnh cấp Tỉnh, chi đoàn Vững mạnh, công đoàn vững mạnh. Trường đạt tập thể lao động tiên tiến.

4. Các hoạt động khác

Tham mưu kịp thời và có hiệu quả để xây dựng và phát triển nhà trường toàn diện. Làm tốt công tác phối hợp với các ban ngành, đoàn thể địa phương. Đảm bảo an ninh trật tự trường học, không mất mát, cháy nổ, không có bạo lực học đường. Tập thể đội ngũ nhà trường đoàn kết, gắn bó, tâm huyết với nghề.

B. Hình thức và thời điểm công khai:

1. Hình thức:

- Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên cổng thông tin của trường. Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo thương hiệu của trường về chất lượng.

2. Thời điểm công khai:

Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất

lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ đầu tháng 8/2024.

Riêng dự toán thu chi tài chính 2024 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2024 của phòng tài chính Huyện Lâm Hà.

Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2024) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 15 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo về theo từng khu phố trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- CBQL, GV, NV
- Công khai

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Lâm

